TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN BIÊN** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/DS–ST
Ngày: 24-7-2018
V/v tranh chấp dân sự hợp đồng góp hụi.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Mai Thị Kim Thu**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Giàu**;

2. Ông **Nguyễn Khắc Hòa**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Hải** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Thu Lan** – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2018/TLST–DS ngày 01 tháng 3 năm 2018 về việc "Tranh chấp dân sự hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2018/QĐXXST–DS ngày 18 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Tạ Văn M**, sinh năm 1978; cư trú tại: Ấp Đ, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Bị đơn: Bà **Hoàng Ngọc L**, sinh năm 1974 và ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1971; cùng cư trú tại: Ấp T, xã N, huyện B, tỉnh Tây Ninh; bà L, ông S vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Hoàng Ngọc L: Anh **Diệp Văn C**, sinh năm 1987; cư trú tại: Khu phố N, phường S, thành phố T, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 26/3/2018); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/02/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Tạ Văn M trình bày:

Anh có tham gia góp 03 dây hụi do bà Hoàng Ngọc L làm chủ thảo, cụ thể:

Dây hụi thứ 01: Hụi 3.000.000 đồng, 20 ngày khui hụi 01 lần, khui hụi ngày 30/9/2016 âm lịch, hụi có 20 phần, hụi ăn cò 1.500.000 đồng. Anh tham gia góp 01 phần tên hụi viên là "M" tức M nông trường, sau đó anh đã đóng được 16 kỳ hụi thì bà L yêu cầu ngừng khui hụi. Bà L có thỏa thuận với anh và 03 hụi viên của phần hụi sống trong dây hụi này để thống nhất hụi còn 04 phần chưa ai lĩnh hụi nay không khui hụi nữa, theo đó bà L có nghĩa vụ trả tiền hụi cho 04 người mỗi người được 42.000.000 đồng – 2.000.000 đồng (tiền cò) = 40.000.000 đồng, thời gian trả 04 tháng mỗi tháng trả 10.000.000 đồng. Sau đó ngày 02/6 nhuần năm 2017 âm lịch (nhằm ngày 25/6/2017 dương lịch) bà L trả cho anh 18.000.000 đồng, bà L có tự viết trừ vào số tiền úp hụi (tức ngưng hụi) thì bà L còn nợ anh 22.000.000 đồng, bà L có ký xác nhận. Dây hụi này bà L còn nợ anh 22.000.000 đồng;

- Dây hụi thứ 02: Hụi 5.000.000 đồng, 20 ngày khui hụi 01 lần, khui ngày 10/8/2016 âm lịch, hụi có 22 phần, hụi ăn cò 2.500.000 đồng. Anh tham gia 01 phần tên hụi viên là "M", anh đã đóng được 17 kỳ hụi (tức đến ngày 30/6/2017 âm lịch) thì bà L yêu cầu ngừng khui hụi. Dây hụi này anh chưa lĩnh hụi, bà L còn nợ anh 17 kỳ hụi.

- Dây hụi thứ 03: Hụi 5.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, khui ngày 30/9/2016 âm lịch, hụi có 21 phần. Anh tham gia 01 phần tên hụi viên là "M" và đã đóng được 10 kỳ hụi (tức đến ngày 30/6/2017 âm lịch) thì bà L yêu cầu ngừng khui hụi. Dây hụi này bà L còn nợ anh số tiền 10 kỳ hụi.

Đến ngày 02/6/2017 âm lịch nhuần tức nhằm ngày 24/7/2017 dương lịch, anh và bà L có gặp nhau để thống nhất số tiền nợ của 02 dây hụi 5.000.000 đồng, bà L còn nợ 99.000.000 đồng, bà L tự viết và ký giấy nhận nợ xác nhận nợ hẹn trả từng lần do giấy này bà L tự viết nên bà L không nêu rõ trả từng lần là thế nào và có hẹn hạn cuối trả nợ là ngày 30/12/2017 âm lịch (nhằm ngày 15/02/2018 dương lịch) nhưng sau đó bà L không trả nợ cho anh.

Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2018, anh M khởi kiện yêu cầu bà L, ông S hoàn trả cho anh số tiền nợ hụi gốc tổng cộng 03 dây hụi nêu trên số tiền là 121.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết, anh M thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với dây hụi 3.000.000 đồng sau khi bà L chốt nợ anh 22.000.000 đồng thì bà L có trả cho anh số tiền 18.000.000 đồng vào cuối năm 2017 không xác định được ngày, tháng và trả tiếp 1.600.000 đồng vào ngày 29/12/2017 âm lịch. Do đó đối với dây hụi 3.000.000 đồng, bà L chỉ còn nợ anh 2.400.000 đồng.

Anh cho rằng mặc dù chồng bà L là ông Nguyễn Văn S không tham gia làm chủ thảo hụi với bà L, anh không trực tiếp đóng tiền hụi cho ông S nhưng khi anh đóng hụi cho bà L thì ông S có biết và không có ý kiến gì. Lợi nhuận từ việc làm chủ hụi của bà L sử dụng để phục vụ cuộc sống trong gia đình.

Nay anh yêu cầu bà Hoàng Ngọc L, ông Nguyễn Văn S cùng có nghĩa vụ trả cho anh số tiền nợ hụi gốc 101.400.000 đồng, anh không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của bà L – anh Diệp Văn C trình bày:

Anh thừa nhận anh Tạ Văn M có tham gia góp hụi do bà Hoàng Ngọc L làm chủ thảo, cụ thể:

Dây hụi 01: Hụi 3.000.000 đồng, 20 ngày khui hụi 01 lần, khui hụi ngày 30/9/2016 âm lịch, hụi có 20 phần, anh M tham gia góp 01 phần. Ngày 02/6/2017 âm lịch, bà L ngừng khui hụi. Dây hụi này bà L còn nợ anh M số tiền 40.000.000 đồng. Bà L đã trả cho anh M 03 lần, cụ thể:

- Ngày 02/6/2017 âm lịch, bà L trả số tiền 18.000.000 đồng. Việc trả nợ có chứng cứ là giấy biên nhận do anh M cung cấp.

- Sau đó trong năm 2017, bà L tiếp tục trả cho anh M số tiền 18.000.000 đồng, anh M có ký tên và viết họ tên trên giấy biên nhận do bà L cung cấp (bút lục số 67).

- Ngày 29/12/2017 âm lịch, bà L trả số tiền 1.600.000 đồng.

Dây hụi này bà L đã trả cho anh M số tiền hụi 37.600.000 đồng, còn nợ 2.400.000 đồng. Nay bà L đồng ý trả cho anh M số tiền 2.400.000 đồng.

Đối với 02 dây hụi 5.000.000 đồng mà anh M tham gia góp hụi với bà L nêu trên thì bà L xác nhận anh M trình bày đúng sự thật. Đúng là vào ngày 02/6 nhuần năm 2017 âm lịch bà L có viết và ký giấy xác nhận nợ với anh M số tiền 99.000.000 đồng theo đó bà L sẽ trả nợ dần cho anh M, thời hạn cuối cùng đến ngày 30/12/2017 âm lịch bà L sẽ trả hết nợ. Sau đó bà L sau khi suy nghĩ lại không có khả năng trả nợ ngay được nên cách sau khi viết giấy nợ vài giờ cùng ngày 2/6 nhuần 2017 âm lịch thì bà L có đến gặp anh M để xin gia hạn thời hạn trả nợ đến hết ngày 30/2/2018 âm lịch (tức ngày 15/4/2018 dương lịch) bà L sẽ trả theo từng lần hạn chót và được anh M đồng ý ký xác nhận vào giấy chốt tiền hụi do bà L giữ.

Chưa đến hạn trả nợ thì vào ngày 26/02/2018, anh M khởi kiện là vi phạm thỏa thuận nên bà L không đồng ý trả cho anh M số tiền 99.000.000 đồng.

Sau đó ngày 20/7/2018 người đại diện theo ủy quyền của bà L có văn bản đồng ý trả cho anh M số tiền 101.400.000 đồng

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn S nhưng ông S cố tình vắng mặt nên không thể tiến hành làm việc lấy lời khai, hòa giải.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn anh Tạ Văn M: Vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn bà Hoàng Ngọc L, ông Nguyễn Văn S vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Ngọc L là anh Diệp Văn C: Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo tuân thủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tạ Văn M cần buộc bà Hoàng Ngọc L, ông Nguyễn Văn S cùng có trách nhiệm trả cho anh M số tiền nợ hụi gốc 101.400.000 đồng, ghi nhận anh M không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh nhận định:

[1] Về tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Hoàng Ngọc L là anh Diệp Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh C.

Ông Nguyễn Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S.

[2] Về nội dung: Xét hợp đồng góp hụi giữa anh Tạ Văn M và bà Hoàng Ngọc L là hợp đồng có thật, được hai bên thừa nhận với nhau và thống nhất số tiền nợ hụi gốc hiện bà L còn nợ anh M là 101.400.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Xét về nghĩa vụ trả nợ: Anh M yêu cầu ông Nguyễn Văn S cùng có nghĩa vụ trả số tiền nợ hụi 101.400.000 đồng. Quá trình xác minh thu thập chứng cứ cho thấy trong thời gian bà L làm chủ thảo hụi thì vợ chồng bà L, ông S vẫn sống chung, cùng sinh hoạt chung, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, bà L làm hụi để lấy lợi nhuận phát triển kinh tế gia đình. Căn cứ khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xác định đây là nợ chung của bà L và ông S. Do đó nguyên đơn anh Tạ Văn M yêu cầu ông Nguyễn Văn S cùng có nghĩa vụ trả nợ với bà Hoàng Ngọc L là có cơ sở.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần buộc bà Hoàng Ngọc L, ông Nguyễn Văn S cùng có nghĩa vụ trả cho anh Tạ Văn M số tiền nợ hụi 101.400.000 đồng.

[5] Về án phí: Bà Hoàng Ngọc L, ông Nguyễn Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 101.400.000 đồng x 5 % = 5.070.000 đồng theo Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 288, Điều 471 Điều 688 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 29 Nghị định số 144/2006-NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Buộc bà Hoàng Ngọc L, ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ trả cho anh Tạ Văn M số tiền hụi 101.400.000 (Một trăm linh một triệu bốn trăm nghìn) đồng. Ghi nhận anh M không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày anh Tạ Văn M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Hoàng Ngọc L, ông Nguyễn Văn S không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bà L, ông S phải trả cho anh M số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hoàng Ngọc L, ông Nguyễn Văn S phải chịu 5.070.000 (Năm triệu không trăm bảy mươi nghìn) đồng.

Anh Tạ Văn M không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự. Hoàn trả cho anh Tạ Văn M số tiền 3.025.000 (Ba triệu không trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0005025 ngày 01/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

3. Anh Tạ Văn M được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Hoàng Ngọc L, ông Nguyễn Văn S và anh Diệp Văn C vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh Tây Ninh;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Mai Thị Kim Thu